**Bảng tổng hợp các hành vi vi phạm liên quan đến giấy tờ, độ tuổi điều khiển xe:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
|  | **Độ tuổi** | | |
| 1 | Điều khiển xe mô tô dưới 16 tuổi | khoản 1, Điều 21 | Phạt cảnh cáo |
| 2 | Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô từ 50cm3 trở lên | điểm a, khoản 4, Điều 21 | 400.000 - 600.000đ |
| **Giấy phép lái xe** | | | |
| 3 | Điều khiển dưới 175cm3 không có GPLX, sử dụng GPLX không do cơ quan có thẩm quyền cấp, GPLX hoặc bị tẩy xóa | khoản 5, Điều 21 | 800.000 - 1,2 triệu đồng;  tịch thu GPLX không hợp lệ |
| 4 | Điều khiển xe từ 175cm3 trở lên không có GPLX, sử dụng GPLX không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa | điểm b khoản 7 Điều21 | 4 - 6 triệu đồng;  tịch thu GPLX không hợp lệ |
| 5 | Điều khiển từ 175cm3 trở lên có GPLX nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc hết hạn sử dụng 6 tháng trở lên | điểm a khoản 7 Điều21 | 4 - 6 triệu đồng |
| 6 | Không mang theo Giấy phép lái xe | điểm c, khoản 2, Điều 21 | 80.000đ - 120.000đ |
| **Giấy đăng ký xe, bảo hiểm xe** | | | |
| 7 | Không mang theo Giấy đăng ký xe | điểm b, khoản 2, Điều 21 | 80.000đ - 120.000đ |
| 8 | Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe | điểm a, khoản 3, Điều 17 | 300.000đ - 400.000đ |
| 9 | Sử dụng Giấy đăng ký xe bị tẩy xóa; không đúng số khung, số máy hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp | điểm b, khoản 3, Điều 17 | 300.000đ - 400.000đ,  tịch thu Giấy đăng ký không hợp lệ |
| 10 | Không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới | điểm a, khoản 2, Điều 21 | 80.000đ - 120.000đ |

**\* Bảng tổng hợp các hành vi vi phạm chủ yếu khi điều khiển xe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
| **Lỗi liên quan đến làn đường, chuyển hướng, vượt, nhường đường** | | | |
| 1 | Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước | điểm a, khoản 2, Điều 6 | 80.000 - 100.000đ |
| 2 | Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường | điểm a, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 3 | Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định | điểm đ, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 4 | Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ | điểm a, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ |
| 5 | Không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định | điểm g, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 6 | Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều” | điểm i, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ;  giữ GPLX 1 tháng  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 7 | Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau | điểm d, khoản 2, Điều 6 | 80.000 - 100.000đ;  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 8 | Không nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính | điểm b, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ |
| 9 | Không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên | điểm đ, khoản 5, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ;  giữ GPLX 2 tháng |
| 10 | Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép | điểm h, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ |
| 11 | Vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông | điểm c, khoản 6, Điều 6 | 2 - 3 triệu đồng;  giữ GPLX 2 tháng |
| **Lỗi liên quan đến đội mũ bảo hiểm** | | | |
| 12 | Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội không cài quai đúng quy cách | điểm i, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ |
| 13 | Chở người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ không cài quai đúng quy cách | điểm k, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ |
| **Lỗi liên quan đến đèn tín hiệu giao thông và một số lỗi khác** | | | |
| 14 | Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường | điểm a, khoản 1, Điều 6 | 60.000 - 80.000đ |
| 15 | Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông (trừ trường hợp quy định bên dưới) | điểm o, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ;  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 16 | Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi | điểm c, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ;  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |
| 17 | Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi | điểm l, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ |
| 18 | Người điều khiển xe sử dụng điện thoại di động, thiết bị âm thanh | điểm h, khoản 1, Điều 6 | 60.000 - 80.000đ;  (giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT) |